

Quan niệm hành bố thí trong triết học Phật giáo

Lê Văn Dũng*, Võ Văn Dũng**

Nhận ngày 12 tháng 6 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Đức Phật thường dạy đệ tử hành pháp để mang lại sự an lạc cho tất cả chúng sinh ngay trên thế giới hiện thực. Hành pháp bố thí trong đạo Phật là loại quan trọng nhất trong sáu loại của “Ba-la-mật”, gồm có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Không những thế, hành bố thí cũng được đề cao trong “Tứ nhiếp pháp”. Thực hiện lời Phật dạy, việc bố thí đã được các đệ tử thực hiện và đã đạt được một số thành quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn đó những hạn chế cần phải được khắc phục. Dưới góc nhìn triết học, trong bài viết này sẽ đi sâu phân tích về hành pháp bố thí, từ đó rút ra ý nghĩa đối với ngày nay.

Từ khóa: Bố thí, triết học, Phật giáo.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The Buddha often taught his disciples to practice the Dharma to bring peace to all living beings right in the real world. The practice of charity in Buddhism is the most important of the six types of "Paramita", including charity, morality, patience, diligence, meditation, and wisdom. In addition, the practice of charity is also promoted in the "Four methods of winning people over". Following Buddha's teachings, charity was practiced by disciples, who achieved certain results. However, there are still limitations that need to be overcome. From a philosophical perspective, in this article the author will analyze in depth the practice of charity, thereby drawing out its meaning for today.

Keywords: Charity, philosophy, Buddhism.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Ra đời cách đây hơn 2.500 năm, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo lớn mà còn là một hệ thống triết học và đạo đức sâu sắc, có ảnh hưởng rộng khắp nhiều quốc gia châu Á, trong đó có Việt Nam. Được du nhập vào nước ta từ những năm đầu Công nguyên, Phật giáo đã nhanh chóng hòa quyện với truyền thống văn hóa, đạo đức dân tộc, để lại dấu ấn rõ nét trong đời sống tinh thần của người Việt. Hơn hai mươi thế kỷ gắn bó với lịch sử dân tộc, Phật giáo vẫn giữ được sức sống bền bỉ, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhân cách, vun bồi đạo đức và hướng con người đến đời sống thiện lành, vị tha. Một trong những nội dung cốt lõi trong triết lý đạo đức Phật giáo là hành bố thí. Đây chính là hình thức cho đi với tâm từ bi, vô ngã, không chấp thủ. Bố thí không chỉ là một nghi thức tôn giáo mà còn là một phương pháp tu tập và là biểu hiện cụ thể thông qua bốn đức hạnh trong Phật giáo. Hành động bố thí trong triết học Phật giáo, không chỉ mang lại lợi ích cho người nhận mà còn thanh lọc tâm hồn, nâng cao phẩm chất đạo đức của người cho. Trong Kinh điển, bố thí được xem là nguyên nhân đầu tiên để hướng tới giác ngộ và giải thoát. Không dừng lại ở việc ban

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang.

Email: ledung89.ht@gmail.com

** Trường Đại học Khánh Hòa.

Email: vovandung@ukh.edu.vn

phát vật chất, bổ thí trong Phật giáo còn bao hàm cả bổ thí pháp và bổ thí vô úy. Đây là quan điểm tiến bộ đối với mọi thời đại. Vì thế, việc nghiên cứu hành bổ thí trong triết học Phật giáo không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có giá trị thực tiễn trong việc giáo dục đạo đức, xây dựng con người mới trong thời đại hiện nay. Triết học Phật giáo không chỉ hướng đến mục tiêu giải thoát khỏi khổ đau, mà còn đề xuất một mô hình sống hài hòa, nhân văn và tỉnh thức. Từ những lý do trên, việc tìm hiểu nội dung và ý nghĩa của hành bổ thí trong triết học Phật giáo là hết sức cần thiết nhằm khẳng định giá trị của tư tưởng Phật giáo, đồng thời đề xuất những ứng dụng thiết thực cho xã hội đương đại. Mục tiêu của bài viết làm rõ nội dung của hành bổ thí trong triết học Phật giáo; phân tích các hình thức, mục đích hành bổ thí trong triết học Phật giáo.

Để đạt được mục tiêu đề ra, bài viết được thực hiện trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ngoài ra bài viết còn sử dụng các phương pháp khác như: tra cứu cơ sở văn bản học, phân tích và tổng hợp, diễn dịch và quy nạp, logic và lịch sử, so sánh, khái quát, ...

Để tiếp cận và làm rõ quan niệm của hành bổ thí trong Triết học Phật giáo một cách toàn diện và sâu sắc, chúng tôi lựa chọn các cách tiếp cận chủ yếu sau: cách tiếp cận định triết học để phân tích sâu sắc các loại hình thức bổ thí và làm rõ mối quan hệ giữa những nguyên lý nền tảng như: vô ngã, nhân quả, duyên sinh và từ bi. Cách tiếp cận này giúp chúng tôi không chỉ làm rõ nội dung lý luận mà còn lý giải được mục đích cao nhất của bổ thí là hướng đến một cuộc sống an lạc; Cách tiếp cận theo sự vận động của lịch sử được chúng tôi sử dụng để theo dõi tiến trình hình thành và phát triển của hành bổ thí trong triết học Phật giáo. Việc xem xét bối cảnh hình thành và biến chuyển của quan niệm này giúp chúng tôi nhìn thấy tính kế thừa và thích ứng về nội dung cũng như vai trò của bổ thí trong từng giai đoạn lịch sử Phật giáo; Cách tiếp cận dưới góc nhìn văn hóa - xã hội nhằm làm rõ vai trò và ảnh hưởng của hành bổ thí trong đời sống tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng Phật tử, đặc biệt trong bối cảnh văn hóa Việt Nam. Bổ thí không chỉ là một hành động mang tính cá nhân mà còn là một giá trị đạo đức góp phần hình thành nếp sống của xã hội.

2. Khái lược về hành bổ thí triết học Phật giáo

Có thể khẳng định rằng, triết học Phật giáo là một hệ thống tư tưởng triết lý sâu sắc, được hình thành từ giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được phát triển thông qua quá trình tu tập, kết tập và truyền thừa của Tăng đoàn sau khi Ngài nhập Niết bàn. Nếu như quan điểm của các nhà triết học phương Tây thường thiên về lý tính trừu tượng, thì triết học Phật giáo là sự kết hợp giữa lý luận và thực hành; giữa trí tuệ và đạo đức, nhằm hướng con người đến mục tiêu cao cả là giải thoát khỏi khổ đau và đạt giác ngộ. Ban đầu Phật giáo vốn là một thể thống nhất không có sự phân chia Nam - Bắc cũng như Tiểu thừa hay Đại thừa. Giáo lý của Phật giáo được trình bày từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp nhằm phù hợp với các tầng lớp trong xã hội. Vì thế, toàn bộ giáo lý được hệ thống hóa trong Tam Tạng Kinh Điển (Kinh - Luật - Luận), trong đó chỉ riêng phần Kinh tạng đã được chia thành nhiều bộ phận khác nhau theo trình tự tu học và thực chứng.

Sự phân phái trong Phật giáo chỉ bắt đầu xuất hiện sau khi Đức Phật nhập diệt. Trong lần kết tập kinh điển thứ hai được tổ chức tại thành Tỳ Xá Ly, khoảng hơn 100 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, đã nảy sinh tranh luận giữa các nhóm Tăng sĩ xoay quanh việc tuân thủ và điều chỉnh giới luật. Một nhóm Tỳ kheo trẻ đề xuất 10 điều giới mới, trong khi một nhóm Trưởng lão kiên quyết giữ nguyên giới luật như Đức Phật đã chế định. Sự bất đồng này dẫn đến sự phân phái trong Phật giáo, trong đó có phái theo Trưởng lão Purāṇa với khoảng 500

vị Tỳ kheo (Baindur, M. 2021), về sau được gọi là phái Tiểu thừa (Hina-yana) hay Nam Tông, ngày nay được biết đến với tên gọi Phật giáo Nguyên thủy. Phái này khẳng định đã kế thừa một cách nghiêm ngặt pháp học và pháp hành, nhằm mục tiêu giải thoát cá nhân theo đúng lời dạy của Đức Phật. Dù trải qua nhiều giai đoạn lịch sử và chia tách thành nhiều tông phái khác nhau, triết học Phật giáo vẫn giữ được những đặc điểm cốt lõi và nhất quán (Thompson, E. 2023). Giáo lý Phật không chỉ để hiểu mà còn để hành, nhằm chuyển hóa tâm thức, chấm dứt khổ đau. Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của một “ngã” thường hằng bất biến, mà cho rằng mọi pháp đều do duyên sinh, chịu sự chi phối của vô thường và khổ đau. Mọi hành động tu tập và giác ngộ đều nhằm mục tiêu giải thoát không chỉ cho bản thân mà còn cho muôn loài. Toàn bộ hệ thống tư tưởng, phương pháp và đạo đức trong Phật giáo đều quy hướng về mục tiêu tối hậu là thoát ly sinh tử luân hồi, đạt đến Niết bàn an tịnh.

Mục tiêu của triết học Phật giáo được thể hiện rõ qua ba yếu tố cốt lõi: Giải thoát - Giác ngộ - Từ bi. Trước hết, giải thoát (Mutti) “là lìa bỏ mọi sự trói buộc mà được tự do” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 447) tuyệt đối, không còn khổ đau, phiền não và vô minh, là trạng thái vượt thoát luân hồi sinh tử. Kế đến, giác ngộ (Bodhi) là sự tỉnh thức hoàn toàn, nhận ra bản chất thật của vạn pháp là vô thường, khổ và vô ngã. Giác ngộ là kết quả của một quá trình tu học kiên trì, thực hành giới - định - tuệ và là điều kiện tất yếu để đạt giải thoát. Từ bi là “yêu thương chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 1421). Hay nói một cách khác đó là lòng thương yêu vô điều kiện đối với tất cả chúng sinh, là động lực để người giác ngộ để quay lại cứu độ muôn loài, thể hiện lý tưởng Bồ Tát. Triết học Phật giáo không chỉ làm phong phú kho tàng trí tuệ của nhân loại mà còn là phương pháp sống đầy nhân văn và trí tuệ. Triết học Phật giáo hướng con người đến đời sống an lạc và hòa hợp

Trong triết học Phật giáo, hành bố thí là một trong những hạnh tu căn bản và cũng là nền tảng của con đường tu tập dành cho cả xuất gia lẫn tại gia. Bố thí có nghĩa là cho đi một cách tự nguyện, với tâm vô cầu, không chấp thủ, không mong đền đáp. Đó không chỉ là hành động trao tặng vật chất, mà còn là sự buông xả tâm tham lam, ích kỷ và khởi tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh.

Bố thí trong Phật giáo được chia làm nhiều loại, trong đó phổ biến nhất là ba hình thức: tài thí (cho đi vật chất như tiền bạc, thực phẩm, y phục...), pháp thí (chia sẻ giáo pháp, trí tuệ, lời hay ý đẹp), và vô úy thí (mang lại sự an ổn, không sợ hãi cho người khác). Trong ba loại này, pháp thí được xem là cao quý nhất, vì mang lại lợi ích lâu dài và giúp người nhận chuyển hóa nội tâm. Tuy nhiên, dù là hình thức nào, điều quan trọng nhất trong hành động bố thí là tâm nguyện trong sáng, không vướng mắc vào danh lợi, không chấp vào người cho, người nhận và vật cho. Bố thí đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tu hành. Trước hết, bố thí là bước đầu để đối trị lòng tham ái và ngã chấp, là những cội rễ dẫn đến luân hồi và khổ đau. Khi con người biết mở lòng, biết cho đi, thì tâm tham lam, keo kiệt dần được chuyển hóa. Hơn nữa, bố thí là phương tiện thiết thực để tạo phước lành, giúp người tu tích lũy công đức trên hành trình hướng đến giải thoát. Đối với người cư sĩ tại gia, bố thí là pháp tu dễ thực hành nhất, phù hợp với đời sống gia đình nhưng vẫn giúp nuôi dưỡng từ tâm và tạo nhân duyên với Tam Bảo. Đối với người xuất gia, bố thí thể hiện qua việc chia sẻ giáo pháp, hướng dẫn chúng sinh sống thiện lành, và chính sự buông bỏ đời sống thế tục cũng là một hình thức bố thí.

Bố thí trong quan điểm của các nhà nghiên cứu phương tây cho rằng, thuật ngữ bố thí được bắt nguồn từ tiếng Anh “donor” hay “giving” và có nghĩa là cho đi (generosity). Nó không chỉ là hành động của đạo đức mà còn là bước đầu tiên trong chuyển hóa tâm thức,

hướng đến con đường giáo ngộ của mỗi con người (Keown, D., 2020). Nghiên cứu khác lại cho rằng, trong đạo đức Phật giáo thì việc bố thí không chỉ dừng lại là nghĩa vụ đối với xã hội mà còn là nền tảng để phát triển tâm linh (Keown, D., 2013). Tuy nhiên, cũng có một số tác giả cho rằng, cho đi không phải lúc nào cũng tốt vì có những thứ cho đi là nguyên nhân dẫn đến cái chết (Van Der Walt, J., 2009).

Ở Trung Quốc, nhà nghiên cứu Đạo An 道安 (312-385) là người có công lớn trong việc dịch các văn bản Phật giáo sang tiếng Trung (Buswell, R. E., & Lopez, D. S., 2013). Tiếp nối ông là Trí Khảm 智顗 (538-559). Hai ông đều cho rằng, hành bố thí chính là phương tiện để hoán độ chúng sinh và tích lũy công đức trong tiến trình tu hành. Rõ ràng, bố thí chính là hành vi đầu tiên để bước vào đạo Phật và là phương tiện để bài trừ lòng tham chấp. Quan điểm này được kế thừa và phát triển lên tầm cao mới về sau.

3. Các hình thức của hành pháp bố thí trong triết học Phật giáo

Phật giáo cho rằng, tất cả mọi sự vật hiện tượng trên thế giới tồn tại đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, do cái này có mặt, nên cái kia có mặt, do cái này không có mặt, nên cái kia không có mặt. Con người trong quá trình tồn tại luôn đề cao cái của ta và cái của chúng ta để rồi sinh ra khổ đau. Để giảm thiểu khổ đau Đức Phật đã đề cao pháp bố thí và xem đó như một cách để giải thoát ngay trong xã hội hiện thực. Hành pháp bố thí có nghĩa là “đem phúc lợi mà ban bố cho người khác. Của bố thí có nhiều loại, nhưng lấy việc bố thí tài vật làm nghĩa chính” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 176). Theo nghĩa đó thì “bố” có nghĩa là đem của cái của mình chia sẻ cho người khác, còn “thí” được hiểu bởi của mình đem cho người khác. Hành bố thí gồm có ba thứ, bao gồm: tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Tài thí, là hành động “lấy quần áo, thức ăn, ruộng nương, nhà cửa, châu báu,... bố thí cho người khác” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 1087). Theo cách hiểu ngày nay thì tài thí bao gồm nội tài thí và ngoại tài thí. Nội tài thí được xem là bố thí những gì liên quan đến cơ thể con người. Trong quá trình tồn tại của mình, con người mang một phần bộ phận của mình ra để cứu sống người khác. Hoặc là người đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm đăng ký thủ tục hiến tạng thì hải sau khi qua đời cho khoa học. Hiện nay, hành vi này không chỉ có những người theo đạo Phật thực hiện mà còn có rất nhiều người dù không theo đạo Phật, không hiểu giáo lý đạo Phật, nhưng họ sẵn sàng cam đoan hiến tạng tất cả các bộ phận trên cơ thể cho những ai cần đến khi mới tắt thở. Ngoại tài thí, được xem là “bỏ của ra giúp người nghèo” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 176). Của ở đây được hiểu toàn bộ vật chất nhằm đáp ứng các nhu cầu tối thiểu để tồn tại như: nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại,... Việc ngoại thí thường được các tăng, ni, Phật tử thực hiện bằng các vật phẩm để đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng. Phật giáo cho rằng, con người không thể tồn tại một cách cô độc, mà họ phải tồn tại trong một xã hội cụ thể. Trong quá trình tồn tại sẽ xuất hiện người có nhiều tài sản và người ít tài sản, thậm chí là không có tài sản. Để cân bằng xã hội thì người có nhiều tài sản sẽ bố thí cho người ít tài sản hoặc không có tài sản. Hành động này được xem là “gieo hạt giống lành trong ruộng phước”. Để thực hiện được thì cần phải có trí tuệ để hiểu rõ vật cho, cách cho và tâm lý cho. Theo lời Phật dạy, khi bố thí cần phải, “cho vật trong sạch; cho vật thù diệu; cho đúng thời; cho vật thích ứng; cho với sự cẩn thận; cho luôn luôn; khi cho, tâm tịnh tín; sau khi cho, tâm luôn hoan hỷ” (Đại tạng Kinh Việt Nam, 1996: 3522). Việc bố thí phải có tính lan tỏa, “khi tự mình bố thí phải khích lệ được người khác bố thí” (Đại tạng Kinh Việt Nam, 1996: 3467 - 3468). Nếu bố thí mà không có tính lan tỏa thì thành tự không lớn.

Pháp thí, “là hình thức thuyết pháp để động cho người khác” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 176). Khi thực hiện hình thức này giống như một cơn mưa lớn làm thức tỉnh các

sinh linh đang nằm ngủ. Pháp thí, được hiểu theo hai nghĩa, thứ nhất là đem tất cả những sự hiểu biết của mình để giảng giải cho người khác nghe, thứ hai là đem cho người khác giáo pháp của Phật. Như vậy, pháp thí được hiểu đơn giản nhất là giúp người khác có được những tri thức cần thiết để hướng đến giải thoát, đến giác ngộ. Pháp thí không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lời Phật dạy mà còn là kiến thức của cuộc sống. Trong một chừng mực nhất định thì pháp thí là việc nỗ lực giảng giải kinh Phật nhằm xướng minh Phật pháp trong khả năng của mình, là cách để giúp người khác được giải thoát. Phật giáo cho rằng, mọi sự vật hiện tượng tồn tại bởi nhiều nguyên nhân và mối quan hệ khác nhau, trong đó mỗi nguyên nhân và mối quan hệ sẽ giữ một vai trò nhất định. Để làm cho con người hiểu được mối quan hệ đó đòi hỏi phải có vai trò pháp thí. Những người có kiến thức hoặc hiểu biết về một ngành nghề gì đó thì truyền đạt cho những người chưa biết mà không nghĩ đến vụ lợi, không mong cầu báo đáp. Đối với các tăng, ni hoặc cư sĩ tại gia thì mang Phật pháp giảng giải cho mọi người được biết, để họ được biết và áp dụng và xây dựng cuộc sống an lạc, tránh khổ đau. Pháp thí được coi trọng hơn tài thí, vì tài thí chỉ giúp được người trong một giai đoạn ngắn, còn pháp thí thì có thể giúp con người sống an lạc trọn đời. Pháp thí là hình thức làm cho “các pháp ác, bất thiện cần phải khổ hạnh này đã được đoạn tận chúng, chặt đứt gốc rễ, làm cho như cây tala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai” (Đại Tạng Kinh Việt Nam, 1996: 3381). Khi thực hành đúng đắn pháp thí sẽ mang lại lợi ích lớn hơn bất kỳ tài thí nào.

Vô úy thí, là “đem lại sự vô úy, sự không sợ hãi mà bố thí cho người, nghĩa là sự cứu giúp người trong cơn tai ách, hoạn nạn” (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012: 176). Như vậy, vô úy thí hướng đến mục tiêu làm cho người được giúp đỡ không còn lo âu, giảm thiểu phiền muộn, không còn sợ hãi. Đức Phật cho rằng, con người tồn tại trên thế giới với biết bao lo âu, đau khổ, muộn phiền, vì “nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển”. Sự vật luôn nằm trong quy luật vận động, phát triển và chuyển hóa, con người là một phần của giới tự nhiên và lẽ cố nhiên sẽ không thể nằm ngoài quy luật trên. Tuy nhiên, con người lại bị lòng tham chế ngự, dẫn đến vô minh. “Đức Phật thấy cần giúp con người thoát khỏi vô minh, chủ thể của con người là Tâm. Nhưng Tâm ấy không thể tự chủ, bởi đặc tính của Tâm là niệm niệm tương tục, hoạt động của Tâm là luôn luôn đổi khác” (Pháp Sư Thánh Nghiêm, 2008: 100). Con người không chấp nhận sự chuyển hóa từ con người hiện thực trở về với cái hư vô. Sự không chấp nhận đó dẫn đến việc con người có lòng tham sống và tìm mọi cách để kéo dài sự sống. Vô úy thí, là một hình thức nâng cao nhận thức của con người, giúp con người hiểu được sự vận động và biến đổi của quy luật và của sự sống. Khi nhận thức được nâng cao thì con người sẽ có mục tiêu theo đuổi, có hoài bão cho cuộc đời của họ. Theo Đức Phật, tất cả chúng sinh đều có tính Phật như nhau, tất cả đều bình đẳng, tất cả họ đều có thể sẽ thành Phật, được giải thoát mọi khổ đau phiền não, nếu biết tu tập và thực hành chánh pháp. Để thực hành vô úy thí thì Đức Phật chủ trương khai mở trí tuệ cho chúng sinh, chỉ cho họ thấy kho tàng trí tuệ đó, làm cho chúng sinh nhận ra được tính quy luật của xã hội để tu hành và cuối cùng là biết vận dụng chân lý vào cuộc sống hàng ngày.

4. Ý nghĩa của hành pháp bố thí trong triết học Phật giáo

Tài thí mang đậm tính nhân văn sâu sắc. Phật giáo cho rằng, con người tồn tại không chỉ vì cá nhân và còn phải vì cộng đồng. Vì thế, khi con người biết mở lòng, sẵn sàng chia sẻ những gì mình có với người khác, đó chính là biểu hiện của lòng vị tha, của sự cảm thông và kết nối giữa người với người trong xã hội. Hành động ấy không chỉ giúp giảm thiểu sự ích kỷ và thờ ơ đang ngày càng phổ biến trong đời sống hiện đại, mà còn góp phần nuôi

dưỡng một lối sống nhân ái, giàu tình người. Trên phương diện tu tập, tài thí còn là bước khởi đầu quan trọng để loại bỏ tâm tham ái và ngã chấp. Đây là hai trong số các nguyên nhân sâu xa dẫn đến khổ đau và luân hồi theo giáo lý Phật giáo. Qua việc thực hành tài thí, tâm keo kiệt dần được chuyển hóa, con người trở nên bao dung hơn, biết sống vì người khác hơn. Tài thí không chỉ giúp mỗi con người hoàn thiện nhân cách cá nhân mà còn khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng nhằm tạo nên một xã hội hài hòa, nơi con người biết quan tâm, chia sẻ và nâng đỡ lẫn nhau.

Rõ ràng ở đây, con người được đặt ở vị trí trung tâm. Không có thế lực siêu nhiên nào chi phối vận mệnh con người, mà chính con người là chủ thể quyết định toàn bộ đời sống cá nhân và xã hội thông qua hoạt động của tâm trí. Từ quan điểm đó, hành động tài thí chính là sự cho đi về mặt vật chất. Nó không chỉ đơn thuần là một nghĩa cử giúp đỡ người khác, mà còn là một phương tiện giáo dục đạo đức, thể hiện chiều sâu của lòng nhân ái và trách nhiệm xã hội. Tài thí mang tính nhân văn sâu sắc vì nó khơi dậy và nuôi dưỡng các giá trị cao cả trong mỗi con người: lòng vị tha, tinh thần sẻ chia và sự đồng cảm. Khi một người mở lòng chia sẻ vật chất cho người khốn khó, họ không chỉ giúp người nhận vượt qua hoàn cảnh khó khăn, mà chính bản thân họ cũng đang từng bước chuyển hóa tâm tham lam, ích kỷ - những căn bệnh của tâm thức dẫn đến đau khổ và bất công trong xã hội. Do vậy, tài thí là bước đầu tiên trong quá trình rèn luyện đạo đức, góp phần cải tạo con người theo hướng thiện và tiến hóa. Hành động tài thí cũng gắn liền với việc thực hành tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) là những phẩm chất cốt lõi thể hiện đỉnh cao đạo đức của con người trong Phật giáo. Tài thí không chỉ là hành vi cho đi mà là chiến thắng cái tôi nhỏ hẹp, lòng ích kỷ cá nhân và tham dục. Trong một xã hội mà mỗi cá nhân biết thực hành tài thí và nuôi dưỡng Tứ vô lượng tâm, sẽ hình thành một cộng đồng tràn đầy tình thương, bình đẳng, và phát triển hài hòa cả về vật chất lẫn tinh thần. Vì thế, tài thí mang trong nó chiều sâu nhân văn, không chỉ vì nó giúp đỡ người khác, mà vì nó góp phần chuyển hóa xã hội theo hướng đạo đức, tiến bộ và đầy tình người.

Ý nghĩa đối với việc thực hiện pháp thí. Trong triết học Phật giáo, bố thí là một trong những hành động cao quý thể hiện lòng từ bi và tinh thần vị tha. Pháp thí là sự chia sẻ về giáo pháp, trí tuệ, những lời hay ý đẹp. Nó không chỉ mang lại lợi ích tức thời, mà còn tạo nên những ảnh hưởng sâu xa và lâu dài, giúp con người chuyển hóa tâm thức, hướng đến giải thoát và giác ngộ. Pháp thí không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lời Phật dạy trong kinh điển mà còn bao gồm tất cả những hành động mang tính giáo dục, truyền cảm hứng và khai mở trí tuệ cho người khác. Nó có thể là một lời khuyên đúng lúc, đúng nơi, đúng địa điểm. Hay một bài học đạo đức hoặc một sự chia sẻ chân thành về những điều hay lẽ phải trong cuộc sống. Những lời nói đúng đắn, những ý tưởng tích cực có thể giúp người khác thay đổi nhận thức, vượt qua khổ đau và phát triển tâm lành. Điểm đặc biệt của pháp thí chính là nó đánh thức trí tuệ và nuôi dưỡng đạo đức nơi người nhận. Khi ai đó được nghe lời pháp, hiểu đúng chân lý, họ sẽ biết cách ứng xử, biết làm chủ bản thân và sống hài hòa với cuộc đời. Nhờ đó, không chỉ cá nhân họ được chuyển hóa mà còn góp phần lan tỏa sự an lạc, bình yên trong cộng đồng. Pháp thí giúp người ta không chỉ vượt qua nghịch cảnh mà còn phát triển tâm từ bi và tinh thần bao dung. Nó là những phẩm chất nền tảng của xã hội và của mỗi con người.

So với tài thí thì pháp thí mang lại giá trị vượt trội hơn trong việc giáo dục và phát triển con người. Nếu như tài thí chỉ giúp con người thoát khỏi khổ đau trong một thời điểm nhất định, thì pháp thí lại có khả năng dẫn dắt họ đi đến tận gốc rễ của khổ đau để tự mình vượt qua. Chính nhờ khả năng khai mở trí tuệ và chuyển hóa nội tâm, pháp thí không chỉ là sự giúp đỡ một lần, mà là hành động tạo ra cơ hội để con người phát triển lâu dài cả về tư duy,

tinh thần lẫn nhân cách. Vì thế giáo dục không đơn thuần chỉ là việc truyền đạt tri thức mà cần giúp con người hình thành khả năng tư duy độc lập, biết tự nhận thức, tự giải quyết vấn đề và sống có trách nhiệm. Việc giáo dục không chỉ là truyền thụ tri thức mà còn giúp người học hoàn thiện chính mình. Giáo dục cần hướng đến việc hình thành con người có khả năng thích nghi với sự thay đổi, có tinh thần cầu tiến và có lòng nhân ái. Pháp thí khơi dậy tinh thần tự học, lòng khao khát hướng thiện và khả năng chuyển hóa nội tâm nhằm thức dậy tính tự lực, tự cường ở mỗi cá nhân. Khi pháp thí được thực hành đúng đắn và xuất phát từ thiện tâm, thì công đức mang lại sẽ lớn hơn bất kỳ sự bố thí vật chất nào. Đây cũng là cách giúp con người sống có ý nghĩa hơn, biết yêu thương và cùng nhau xây dựng một xã hội hài hòa.

Vô úy thí xoa dịu nỗi sợ hãi vốn luôn hiện hữu trong đời sống con người. Đức Phật từng dạy rằng, con người hiện diện trong thế gian đầy biến động và luôn đối mặt với những mối lo âu, đau khổ và bất an. Sự biến động này xuất phát từ tự nhiên, xã hội và tư duy của mỗi con người. Hành động vô úy thí không chỉ mang lại sự hỗ trợ kịp thời về mặt tinh thần mà còn là biểu hiện cao đẹp của lòng từ bi và tinh thần nhân ái. Người thực hành vô úy thí phải có lòng can đảm, sự hiểu biết và đặc biệt là tinh thần vô ngã. Họ phải dám hy sinh lợi ích cá nhân để đem lại sự yên tâm cho người khác. Vô úy thí còn mang một ý nghĩa sâu xa trong việc giáo dục và nâng cao nhận thức con người. Khi được trải nghiệm sự an ủi, nâng đỡ trong lúc nguy nan, con người không chỉ bớt sợ hãi mà còn hiểu hơn về quy luật vận động, vô thường của cuộc sống. Thông qua đó, họ học được cách đối diện với khó khăn một cách bình tĩnh, hiểu được bản chất của khổ đau để dần vượt qua bằng chính sức mạnh nội tâm. Vì thế, vô úy thí không phải là một hành động từ thiện nhất thời, mà còn là một phương pháp giáo dục về lòng dũng cảm, lòng tin và sự sẻ chia. Nó góp phần xây dựng một cộng đồng nhân văn, nơi con người không đơn độc đối mặt với nỗi sợ, mà luôn có sự hiện diện của yêu thương và sự nâng đỡ từ những người xung quanh.

5. Bàn luận

Có ý kiến cho rằng, bố thí không phải lúc nào cũng tốt vì đôi lúc bố thí có thể làm hại đến người được bố thí. Việc bố thí có thể làm cho họ nghĩ rằng, đó là trách nhiệm của xã hội đối với bản thân họ nên họ sẽ ỷ lại, ngồi chờ. Trong công trình này, chúng tôi không đồng tình với quan điểm trên vì hành bố thí trong triết học Phật giáo mang ý nghĩa sâu sắc cả về mặt triết lý lẫn đạo đức. Trước hết, hành pháp bố thí trong triết học Phật giáo không chỉ là việc cho đi vật chất mà còn là sự buông xả tâm tham lam, ích kỷ và khởi tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh. Tài thí giúp con người mở lòng, giảm bớt lòng tham lam và ích kỷ, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. Hơn nữa, hành pháp bố thí không chỉ mang lại lợi ích cho người nhận mà còn thanh lọc tâm hồn, nâng cao phẩm chất đạo đức của người cho. Đây là một trong những phương pháp tu tập quan trọng, giúp con người hướng đến một cuộc sống an lạc, giải thoát và góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân văn. Vì vậy, việc bố thí không nên bị xem là trách nhiệm của xã hội đối với cá nhân mà là một hành động tự nguyện, xuất phát từ lòng từ bi và tinh thần vị tha.

Có ý kiến cho rằng bố thí pháp không phải lúc nào cũng mang lại kết quả như mong muốn, vì đôi khi việc truyền đạt giáo pháp có thể không phù hợp với người nhận hoặc không đúng thời điểm. Điều này có thể dẫn đến sự hiểu lầm hoặc thậm chí phản tác dụng, khiến người nhận không thể tiếp thu hoặc áp dụng giáo pháp một cách hiệu quả. Với quan điểm này chúng tôi đồng ý một phần vì sự tiếp cận pháp của mỗi người là hoàn toàn khác nhau. Để khắc phục điều đó đòi hỏi người thuyết pháp phải biết cân bằng tri thức. Muốn làm điều này họ phải có một tri thức sâu, rộng. Trong bài viết này chúng tôi cũng khẳng định rằng,

bồ thí pháp mang lại lợi ích lâu dài và sâu sắc hơn so với các hình thức bồ thí khác. Pháp thí không chỉ giúp người nhận có được tri thức mà còn hướng dẫn họ con đường để đi đến giải thoát. Khi được nghe lời pháp, hiểu đúng chân lý, người nhận sẽ biết cách ứng xử, làm chủ bản thân và sống hài hòa với cuộc đời. Pháp thí giúp người ta không chỉ vượt qua nghịch cảnh của cuộc sống mà còn hướng con người đến hoàn thiện bản thân. So với tài thí, pháp thí mang lại giá trị vượt trội hơn trong việc giáo dục và phát triển con người. Nếu như tài thí chỉ giúp con người thoát khỏi khổ đau trong một thời điểm nhất định, thì pháp thí lại có khả năng dẫn dắt họ đi đến tận gốc rễ của khổ đau để tự mình vượt qua. Chính nhờ khả năng khai mở trí tuệ và chuyển hóa nội tâm, pháp thí không chỉ là sự giúp đỡ một lần, mà là hành động tạo ra cơ hội để con người phát triển lâu dài cả về thể lực lẫn trí lực. Vì vậy, giáo dục không đơn thuần chỉ là việc truyền đạt tri thức mà cần giúp con người hình thành khả năng tư duy độc lập, biết tự nhận thức, tự giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

6. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, hành pháp bồ thí trong triết học Phật giáo mang ý nghĩa sâu sắc cả về mặt triết lý lẫn đạo đức. Bồ thí được xem là một trong những phương pháp tu tập quan trọng, giúp con người giảm bớt lòng tham lam, ích kỷ và hướng đến sự giải thoát trong cuộc sống đời thường. Tài thí, pháp thí và vô úy thí là ba hình thức bồ thí chính trong triết học Phật giáo. Tài thí giúp con người mở lòng, giảm bớt lòng tham lam và ích kỷ, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. Pháp thí mang lại lợi ích lâu dài, giúp người nhận chuyển hóa nội tâm và hướng đến giải thoát. Vô úy thí giúp con người vượt qua nỗi sợ hãi, lo âu và phiền muộn, đồng thời nâng cao nhận thức về quy luật của cuộc sống. Nhờ vào hành pháp bồ thí, con người không chỉ giúp đỡ người khác mà còn tự hoàn thiện bản thân, nuôi dưỡng lòng từ bi và tinh thần vị tha. Hành pháp bồ thí không chỉ mang lại lợi ích cho người nhận mà còn thanh lọc tâm hồn, nâng cao phẩm chất đạo đức của người cho. Đây là một trong những phương pháp tu tập quan trọng, giúp con người hướng đến một cuộc sống an lạc, giải thoát và góp phần xây dựng một xã hội hài hòa, nhân văn.

Tài liệu tham khảo

- Baindur, M. (2021). Philosophical education in traditional and Buddhist schools of thought in South Asia. In *Handbook of Education Systems in South Asia* (pp. 41-69). Singapore: Springer Singapore. https://doi.org/10.1007/978-981-15-0032-9_8
- Buswell, R. E., & Lopez, D. S. (2013). The princeton dictionary of Buddhism. In *The Princeton Dictionary of Buddhism*. Princeton University Press.
- Giáo hội Phật giáo Việt Nam. (2012). *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội.
- Keown, D. (2013). *Buddhism: A very short introduction* (Vol. 3). Oxford University Press.
- Keown, D. (2020). *Buddhist ethics: A very short introduction*. Oxford University Press.
- Đại Tạng Kinh Việt Nam (1996). *Kinh tạng chi bộ*. Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch). Nxb. Sài Gòn.
- Pháp Sư Thánh Nghiêm (2008). *Lịch sử Phật giáo Ấn độ*. Thích Tâm Trí (dịch). Nxb. Phương Đông.
- Thompson, E. (2023). What's in a concept? Conceptualizing the nonconceptual in Buddhist philosophy and cognitive science. In *Reasons and empty persons: Mind, metaphysics, and morality: essays in honor of mark siderits* (pp. 165-210). Cham: Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-031-13995-6_9
- Van Der Walt, J. (2009). *Dead aid: Why aid is not working and how there is a better way for Africa*.